

Số: 46 /2024/QĐST- KDTM

Biên Hoà, ngày 19 tháng 9 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ biên bản hòa giải thành ngày 11 tháng 9 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 62/2024/TLST-KDTM ngày 23 tháng 4 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Công ty TNHH A (Việt Nam);

Người đại diện theo pháp luật: Ông OWEE DEOK CHOON- Chức vụ: Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc.

Địa chỉ trụ sở: Số C VSIP II đường số F, Khu công nghiệp V - S, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo uỷ quyền: bà Nguyễn Phương Q, sinh năm 1999;

Địa chỉ: Số C, khu C, tổ C, phường H, Thành phố T, tỉnh Bình Dương. (theo giấy uỷ quyền ngày 29/12/2023)

- *Bị đơn*: Công ty TNHH N;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Thanh T - Chức vụ: Giám đốc.

Trụ sở: Số C đường N, Khu phố L, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ kinh doanh: số F, ấp T, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo uỷ quyền cho bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thiên L, sinh năm 1989

Địa chỉ: G ấp Q, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai. (theo giấy uỷ quyền ngày 27/8/2024).

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Công ty TNHH N có trách nhiệm trả cho Công ty TNHH A (Việt Nam) toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi chậm trả là 646.856.989 đồng (Sáu trăm bốn mươi sáu triệu tám trăm năm mươi sáu nghìn chín trăm tám mươi chín đồng) bao gồm: nợ gốc là 547.055.160 đồng và nợ lãi 99.801.829 đồng theo Hợp đồng nguyên tắc số HDMT-GD-2022 ngày 01/01/2022 giữa Công ty TNHH A (Việt Nam) và Công ty TNHH N.

Kể từ ngày Công ty TNHH A (Việt Nam) có đơn yêu cầu thi hành án mà Công ty TNHH N chưa thanh toán xong số tiền nợ trên, thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất chậm trả được tính theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

1.2. Về án phí: Công ty TNHH N phải chịu 14.937.140 đồng (mười bốn triệu chín trăm ba mươi bảy nghìn một trăm bốn mươi đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

H lại cho Công ty TNHH A (Việt Nam) là 16.659.488 đồng (mười sáu triệu sáu trăm năm mươi chín nghìn bốn trăm tám mươi tám đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0003268 ngày 10/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thành phố Biên Hoà;
- Chi cục THA dân sự TP. Biên Hoà;
- Lưu hồ sơ vụ án;

Thẩm phán

Nguyễn Quốc Bảo